

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2031/2012/QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày 29 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 169/TTr-STNMT ngày 19/4/2012; của Sở Tư pháp tại Văn bản thẩm định số 301/STP-XDVB ngày 10/4/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- T.Trực Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh để báo cáo);
- Các uỷ viên UBND tỉnh;
- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT, Pg NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu
về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2031/2012/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý; cập nhật, khai thác, sử dụng; lưu trữ, bảo quản, bảo đảm an toàn dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Quy chế này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm: Các loại dữ liệu quy định cụ thể tại Điều 3, Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường) là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh.

Điều 5. Chính sách khuyến khích

UBND tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong toàn tỉnh. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hàng năm tổng hợp và đánh giá số liệu các đơn vị hiến tặng dữ liệu tài nguyên và môi trường, báo cáo và đề xuất, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chế độ khuyến khích từng trường hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại, cấp độ, hình thức, đặc điểm, tính chất, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, thực hiện đúng yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

1. Kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật, dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố, ban hành: tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu kết quả thống kê, kiểm kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá;

3. Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép và các nội dung liên quan đến cấp phép, dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4. Dữ liệu về kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ vụ việc và việc thực hiện quyết định giải quyết có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Nguyên tắc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc cung cấp, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan.

3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng.

4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống.

5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích.

6. Khi khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính trừ các trường hợp khác do pháp luật quy định.

7. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong tỉnh.

Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch thu thập, số hoá dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh (trước ngày 15/10 hàng năm) và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

c) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

d) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

đ) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở và của tỉnh; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh;

e) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

3. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp cơ sở thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường của mình trên

địa bàn; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

4. UBND cấp huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 9. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập.

1. Việc lập kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường phải bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, lập kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 15/10 hàng năm.

Điều 10. Thực hiện kế hoạch.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt của đơn vị mình.

3. Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả.

4. Đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần cho các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ và các dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, thu thập được phải giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

5. Hình thức thu thập dữ liệu: tiếp nhận trực tiếp hoặc các hình thức khác theo kế hoạch được lập hàng năm.

6. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý dữ liệu thu thập được và các dữ liệu khác từ cơ sở dữ

liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh theo quy định.

Đối với những dữ liệu chưa ở dạng số phải được kiểm tra, đánh giá, xây dựng kế hoạch thực hiện số hoá theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu.

1. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện chủ trì thu thập có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu cấp tỉnh khi tiếp nhận, thu thập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bộ dữ liệu là bản chính, bản gốc, file dữ liệu số...theo quy định.

Trừ trường hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường được tạo lập từ nguồn vốn khác thì Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch tiếp nhận trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thời hạn giao nộp dữ liệu:

a) Các tổ chức, cá nhân xây dựng, điều tra, thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đánh giá, nghiệm thu thì các tổ chức, cá nhân phải thực hiện giao nộp một (01) bộ dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất không quá 06 tháng kể từ khi hồ sơ được nghiệm thu và hoàn thiện.

b) Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà

nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

- Trường hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được nghiệm thu, đánh giá thì các tổ chức, cá nhân và UBND cấp huyện đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

- Trường hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện. Thủ trưởng các tổ chức đã được Nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các dữ liệu và đưa vào sử dụng theo quy chế này. Thời hạn nộp dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày kết thúc dự án.

Điều 13. Cơ chế tài chính cho hoạt động thu thập, xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường và các phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện lập kế hoạch thực hiện thu thập hoặc số hóa của năm sau những dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện. Trường hợp những hồ sơ tài liệu thuộc các dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư;

b) Đối với kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện;

2. Phí và lệ phí: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan xây dựng Đề án thu phí và lệ phí đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định làm căn cứ tổ chức thực hiện.

Chương III CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Trách nhiệm, thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu.

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các cơ sở dữ liệu thành phần, cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành liên quan, cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và các địa phương giáp ranh;

- Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác về sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

- Cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu tài nguyên và môi trường có liên quan đến quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong phạm vi mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Hình thức, thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Hình thức:

- Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử;
- Gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện).

b) Thời hạn:

- Việc cung cấp các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

- Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12);

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cung cấp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

3. Thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

a) Chủ tịch UBND tỉnh cho phép cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu ngành tài nguyên môi trường Tuyệt mật, Tối mật.

b) Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện cho phép cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu ngành tài nguyên môi trường Mật.

c) Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu ngành tài nguyên môi trường ngoài các tài liệu đã quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này.

d) Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài: Việc cung cấp thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước thuộc danh mục dữ liệu ngành tài nguyên môi trường phải tuân theo nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước và Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 05/10/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu.

1. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 24, 25, 26 và 27 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh quy định cụ thể hình thức cung cấp dữ liệu về tài nguyên môi trường trên Internet. Việc cung cấp, khai thác sử dụng dữ liệu trên mạng Internet chỉ thực hiện khi có đủ điều kiện, trang thiết bị phù hợp theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu:

a) Tuân thủ các quy định cung cấp khai thác và sử dụng dữ liệu quy định tại Điều 13, 14 của Quy chế này.

b) Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp đã có thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp thông tin.

c) Người được cung cấp thông tin phải trả tiền sử dụng thông tin và tiền dịch vụ cung cấp thông tin theo quy định.

d) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

đ) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

e) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên mạng internet:

a) Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa. Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

b) Chỉ được khai thác sử dụng dữ liệu trong phạm vi mình được cấp. Không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, sử dụng đúng mục đích.

c) Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu.

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính, tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

Điều 17. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu.

1. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện trên nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm việc tiếp cận và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, tổ chức; bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và bảo đảm có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

c) Bảo đảm dữ liệu được thu thập đầy đủ, chính xác và có hệ thống; thống nhất các dữ liệu đã được thu thập, cập nhật, quản lý.

d) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp dữ liệu được thông suốt, kịp thời; bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin.

đ) Bảo đảm thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn nhân lực.

2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường đến các sở, ban, ngành có dữ liệu cần thu thập và UBND cấp huyện đề nghị đóng góp ý kiến để đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; trong dự thảo kế hoạch cần nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện.

b) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy

trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

c) Trong quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu: Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện quản lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quyền truy cập để khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh thông qua môi trường mạng.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện quản lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các dữ liệu tài nguyên và môi trường khi cung cấp.

Chương IV **LƯU TRỮ, BẢO QUẢN, BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU** **VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 18. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải kịp thời được phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hóa, số hoá dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 19. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Việc bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu an toàn trong cơ sở dữ liệu.

Tùy theo loại dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho cơ

sở dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;

c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.

d) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin kiểm tra và sao lưu dữ liệu:

- Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

- Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

Chương V **KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 20. Kiểm tra.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiến hành kiểm tra định kỳ công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh báo cáo về UBND tỉnh.

Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của công tác quản lý hoặc có dấu hiệu vi phạm Quy chế này, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất, báo cáo UBND tỉnh tiến hành kiểm tra đột xuất về công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại đơn vị, địa phương đó.

Điều 21. Khen thưởng, xử lý vi phạm.

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu huỷ trái phép, làm hư hỏng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 22. Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp trong thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và Quy chế này.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

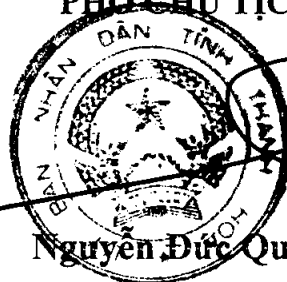
2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm....

Mẫu 01
Phiếu yêu
cầu

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....
.....
.....

Số CMTND, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân trong nước):

.....

Quốc tịch/nơi đang làm việc, học tập: (đối với cá nhân là người nước ngoài):

.....

2. Địa chỉ:

.....
.....

3. Số điện thoại:, fax:, E-mail:.....

.....
.....

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp:

.....
.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....
.....
.....
.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....
.....
.....

7. Cam kết sử dụng dữ liệu:

.....
.....
.....
.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP LIỆU

**

(Ký xác nhận, đóng dấu)

* Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên;

** Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có xác nhận của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nơi đang làm việc, học tập.

.....
Số: /HĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 02
HỢP
ĐỒNG

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,
Hôm nay, ngày tháng ... năm ... , tại,
chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):

Cơ sở dữ liệu: thuộc

.....

Đại

diện:.....

Chức vụ:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:....., Fax:, Email:, Số tài khoản:

.....

2. Bên khai thác, sử dụng dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:

.....

Đại diện:

.....

Chức vụ:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:, Fax:, Email:

.....,

Số tài khoản:

.....

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng dữ liệu như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)

.....
...
.....
...

Điều 2. Thời gian thực hiện:..... ngày, kể từ ngày tháng năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:

.....

- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:

.....

- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu:

.....

- Nhận gửi qua đường bưu điện:

.....

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu là:

đồng

(Bằng chữ: đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng dữ liệu là:.....

đồng

Tiền dịch vụ cung cấp dữ liệu là:

đồng

Số tiền đặt trước:

đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):

.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

(Phải có đủ nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường).

.....

.....

Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....

.....

.....

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày:

.....

BÊN B

*(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức;
Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)